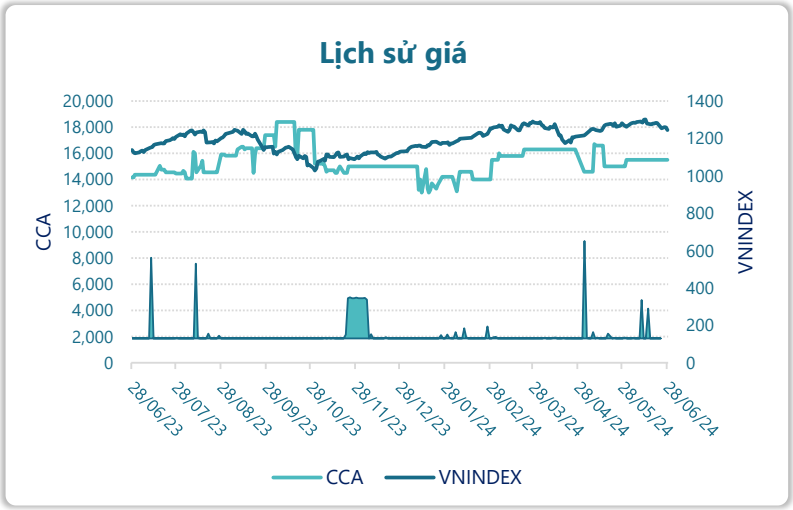
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
SL cổ phiếu LH	15,092,326
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,500
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	234
P/E	190.7
EPS	81

DT thuần

Q2/24

322

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0| 10.0%

YoY: ▲ 88.0| 37.8%

LN sau thuế

Q2/24

4.72

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.28| 285%

YoY: ▲ 3.47| 278%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

3.4%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần

6T 2024

616

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 111| 22.1%

LN sau thuế

6T 2024

2.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.33| -51.9%

ROE

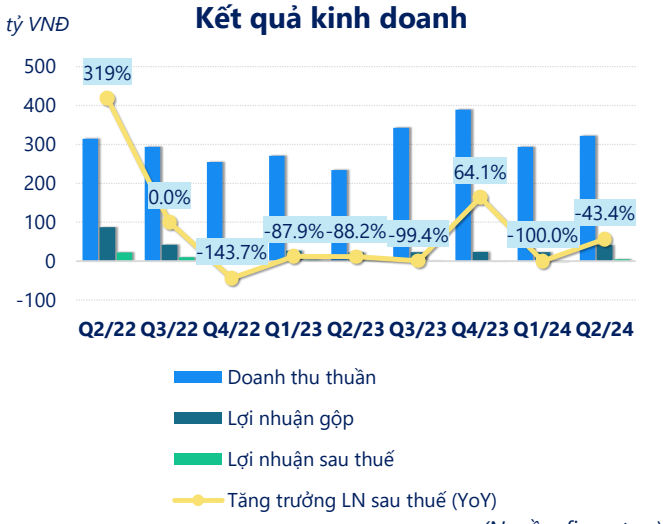
Q2/24

0.5%

+/- YoY: ▼ 2.2%

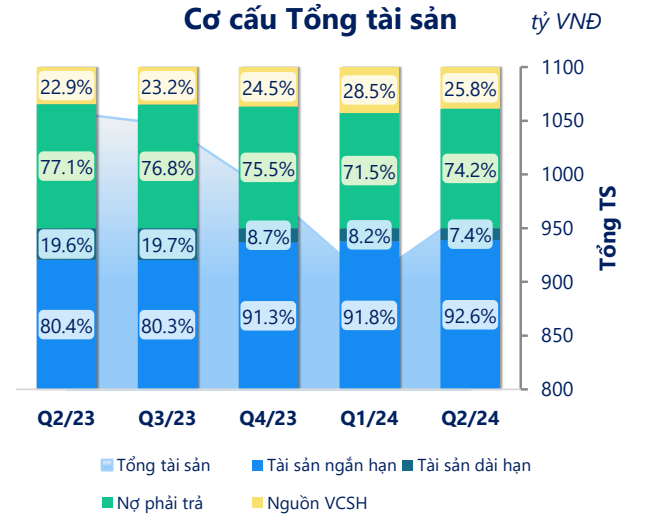
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



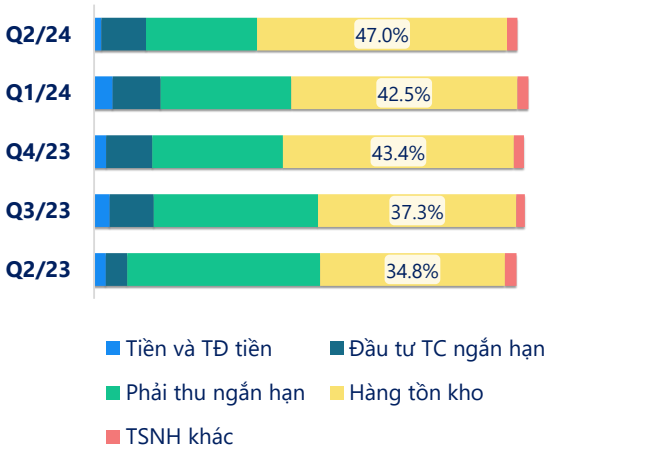
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



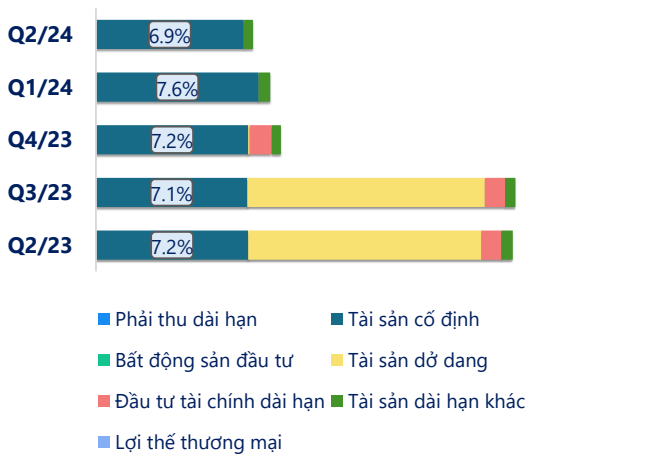
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



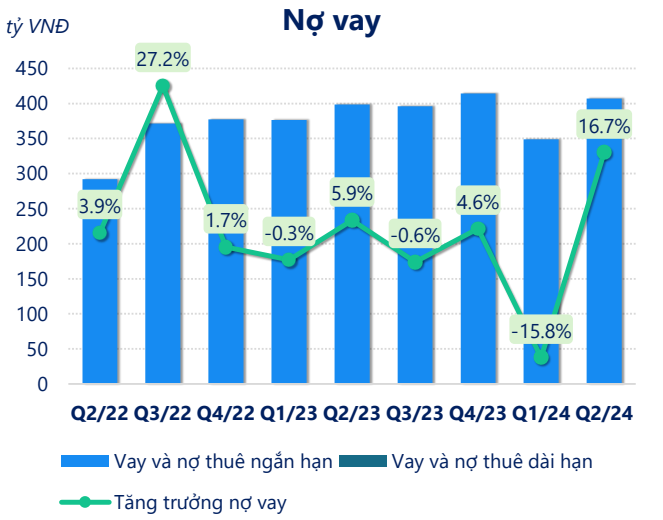
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



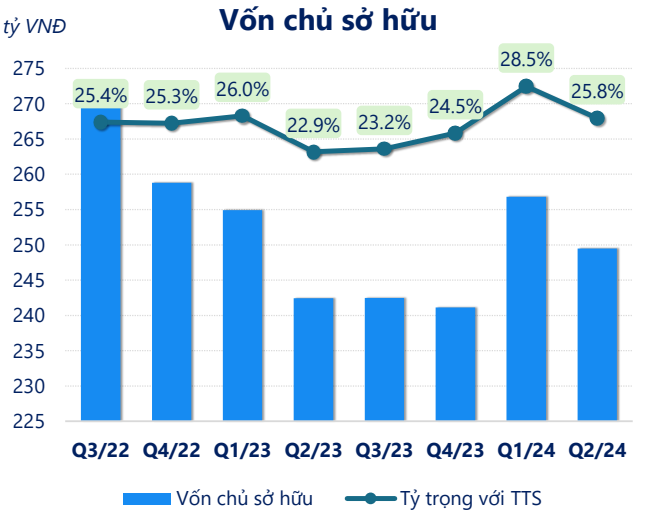
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



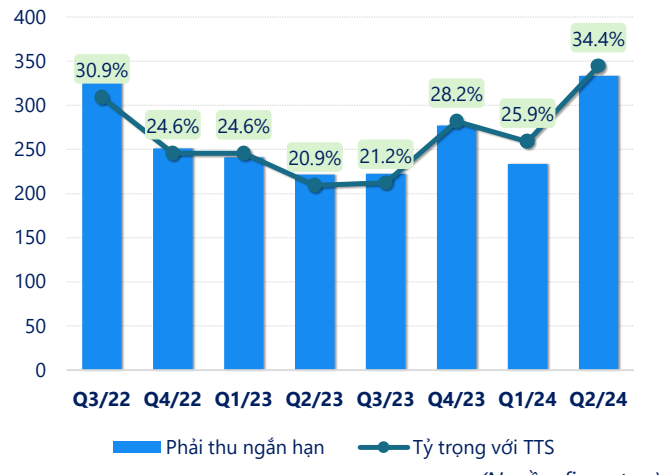
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



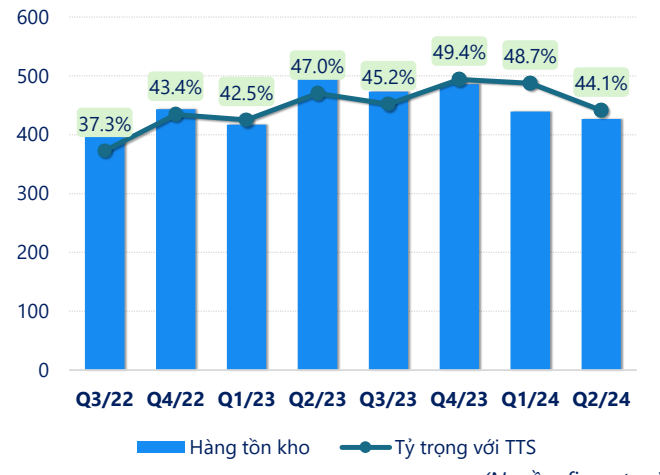
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



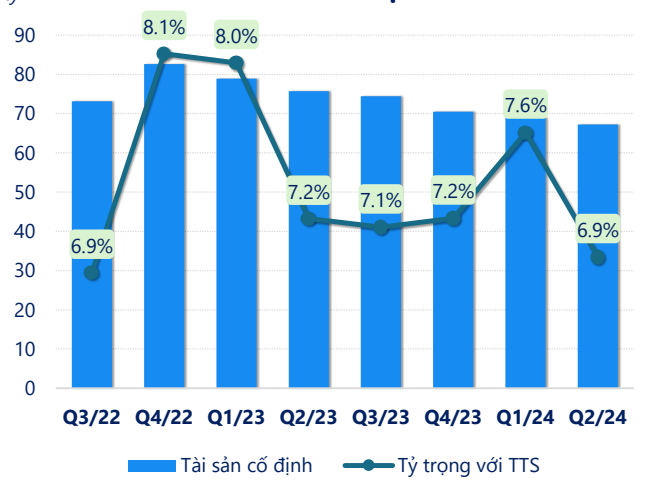
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



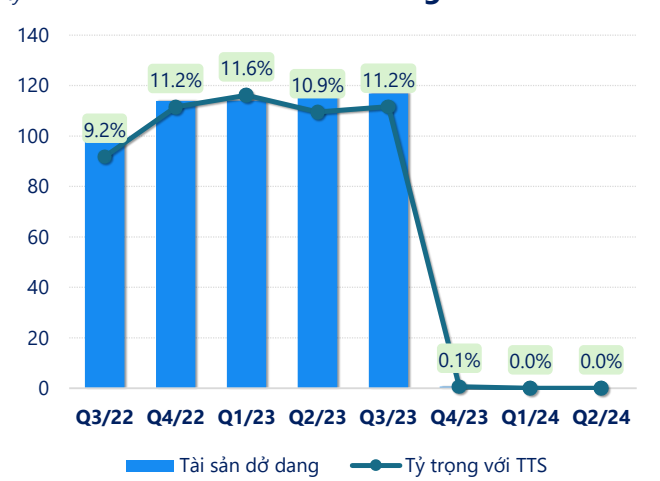
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



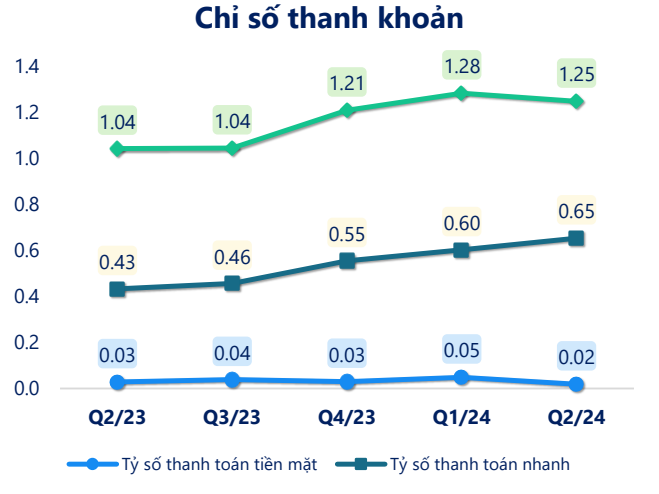
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



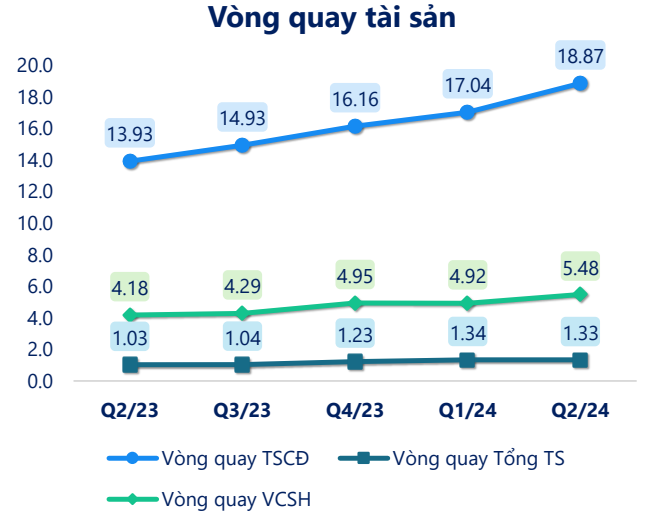
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,058**	**1,047**	**984**	**902**	**968**
Tài sản ngắn hạn	**851**	**840**	**898**	**828**	**896**
Tiền và tương đương tiền	23.1	30.7	22.3	31.3	13.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.5	88.5	88.5	98.5	98.5
Phải thu ngắn hạn	221	222	277	234	333
Hàng tồn kho	497	473	486	440	427
Tài sản ngắn hạn khác	20.2	25.3	24.3	25.2	24.1
Tài sản dài hạn	**207**	**206**	**85.6**	**73.9**	**71.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	75.8	74.4	70.5	69.0	67.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	116	117	0.63	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.67	5.16	4.53	4.88	4.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**815**	**804**	**743**	**645**	**718**
Nợ ngắn hạn	**815**	**804**	**743**	**645**	**718**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	399	396	414	349	407
Phải trả người bán ngắn hạn	199	196	184	175	162
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**242**	**242**	**241**	**257**	**249**
Vốn chủ sở hữu	**242**	**242**	**241**	**257**	**249**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)